

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Loan

Môn học: Anh văn 1 (22400334)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 17

Phòng thi: B101

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 24

Giờ thi: 7h30

Số bài thi:

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110075	Phạm Hoài	An	18/04/2005	CCQ2311C	16		5,3		2,9	4,1	3,1	3,7	HL
2	2123110112	Nguyễn Lê Đức	Anh	08/11/2005	CCQ2311D	15		7,0		0,0	3,5	2,1	2,9	HL
3	2123110096	Hồ Quốc	Bảo	18/05/2005	CCQ2311C	14		5,6		3,8	4,7	6,1	5,3	
4	2123110127	Trương Hoài	Bảo	16/06/2005	CCQ2311D									
5	2122050082	Đoàn Đông	Cơ	16/06/2004	CCQ2205C	16		3,6			0,0	4,3	1,7	HL
6	2121030077	Nguyễn Minh Công	Danh	07/03/2003	CCQ2103C	15		4,9		5,7	5,3	7,2	6,1	
7	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E	14		4,9			0,0	4,7	1,9	HL
8	2123170638	Lê Tư	Duy	10/08/2005	CCQ2311C	13		6,1		5,7	5,9	6,1	6,0	
9	2123110108	Nguyễn Ngọc	Duy	21/08/2004	CCQ2311D	16		3,9		5,0	4,5	6,4	5,3	
10	2123110088	Trần Bảo	Duy	13/11/2005	CCQ2311C	15		6,9		3,2	5,1	5,0	5,1	
11	2122140046	Ngô Hoàng	Hào	14/06/2003	CCQ2214B	14		5,4		1,0	3,2	6,5	4,5	HL
12	2122030050	Nguyễn Trung	Hào	02/10/2004	CCQ2203B	13		2,7		0,0	1,4	4,9	2,8	HL
13	2122170605	Nguyễn Trương Nhi	Hào	12/02/2004	CCQ22170						0,0	0,0	0,0	HL
14	2123110450	Trần Ngọc	Hào	30/10/2005	CCQ2312I	16		4,6		3,4	4,0	4,9	4,4	HL
15	2123110099	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	07/05/2005	CCQ2311C									
16	2122030066	Nguyễn Công	Hoàng	05/10/2004	CCQ2203B	14		4,1		0,0	2,1	6,4	3,8	HL
17	2123110091	Võ Minh	Hùng	16/12/2005	CCQ2311C									
18	2123110141	Lê Quang	Hùng	07/03/2005	CCQ2311D							4,0	1,6	HL
19	2123110140	Nguyễn Trần Quang	Huy	19/08/2005	CCQ2311D									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Loan

Môn học: Anh văn 1 (22400334)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 17

Phòng thi: B101 Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110129	Nguyễn Hoàng	Khang	01/11/2005	CCQ2311D									
21	2123110074	Lê Nguyễn Trung	Kiên	07/01/2005	CCQ2311C									
22	2123110124	Vũ Thế	Kiệt	03/09/2005	CCQ2311D	16	Ki	3,5			0,0	1,6	0,6	HL
23	2123110087	Nguyễn Đức	La	17/07/2005	CCQ2311C	15	La	5,7	La	0,0	2,9	7,3	4,7	HL
24	2123110100	Nguyễn Ngọc	Mẫn	20/03/2005	CCQ2311C	13	Mẫn	5,0	Mẫn	4,6	1,8	6,0	5,3	
25	2123110072	Trần Văn	Nam	30/03/2005	CCQ2311C	14	Nam	4,5	Nam	6,8	5,7	4,5	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

57

C.Loan

Môn học: Anh văn 1 (22400334)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 21

Phòng thi: B102 Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 25/4/2024 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm H.P	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122030057	Lưu Chí Nghĩa	13/09/2004	CCQ2203B							1,7	0,7	HL
2	2123110136	Thạch Trần Trung Nhân	26/03/2001	CCQ2311C							0,9	0,4	HL
3	2123110132	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	21/02/2004	CCQ2311D	15	Nhi	4,0	Nhi	0,5	2,3	5,2	3,5	HL
4	2123110114	Nguyễn Văn Nhựt	27/12/2005	CCQ2311D	16	Nhựt	5,8	Nhựt	5,2	5,5	6,2	5,8	
5	2123110142	Trần Trọng Phúc	05/12/2005	CCQ2311D	13	Phúc	8,2	Phúc	7,0	7,6	8,0	7,8	
6	2122140041	Phan Văn Phương	03/12/2004	CCQ2214B	14	Phương	6,4	Phương	1,0	3,7	6,4	4,8	HL
7	2123110076	Nguyễn Quốc Sang	20/11/2005	CCQ2311C	15	Sang	6,3	Sang	4,1	5,2	8,0	6,3	
8	2123110093	Bùi Quốc Thái	05/01/2005	CCQ2311C	16	T	6,7	T	7,7	7,2	8,0	7,5	
9	2121030073	Nguyễn Chí Thân	04/04/2003	CCQ2103C	13	Thân	6,2	Thân	6,7	5,6	8,2	7,2	
10	2121030101	Đào Nhật Thanh	17/03/2003	CCQ2103C	14	Thanh	5,4	Thanh	3,3	4,4	7,9	5,8	
11	2123110126	Nguyễn Tấn Thiện	12/03/2005	CCQ2311D	15	Thiện	7,9	Thiện	7,9	7,9	8,3	8,1	
12	2123110078	Nguyễn Mậu Thơ	13/05/2005	CCQ2311C	16	Thơ	4,6	Thơ	5,1	4,9	6,0	6,2	
13	2121030146	Võ Minh Tiến	05/12/2001	CCQ2103C	13	Tiến	6,7	Tiến	4,8	5,8	8,2	6,8	
14	2123110081	Huỳnh Quốc Toàn	14/11/2005	CCQ2311C	14	Toàn	5,0	Toàn	0,0	2,5	4,4	3,3	HL
15	2121030149	Nguyễn Hữu Trí	24/02/2003	CCQ2103C	15	Trí	6,7	Trí	5,1	5,9	8,0	6,7	
16	2123110466	Nguyễn Khắc Triệu	21/05/2004	CCQ2311D	16	Triệu	7,4	Triệu	4,7	6,1	6,8	6,4	
17	2123110098	Nguyễn Quang Trường	13/10/2005	CCQ2311C	13	Trường	8,7	Trường	7,3	8,0	7,8	7,9	
18	2123170591	Quang Văn Trường	10/12/2005	CCQ2311D	14	Trường	7,6	Trường	1,8	4,7	5,8	5,1	
19	2123110131	Vũ Khắc Tuấn	20/02/2005	CCQ2311D									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400334)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 21

Phòng thi: B102 Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

N.T. Phay

Cán bộ coi thi 2

Đ.N. Dũng

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

N. Chi

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

N. Thanh

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Phan T. Thu

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Phước

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2121030090	Lê Xuân	Tùng	26/02/2003	CCQ2103C	16		7,4		4.4	5,9	7,6	6,6	
21	2123110128	Lê Thanh	Tường	05/09/2005	CCQ2311D	13		8,6		5.5	7,1	8,1	7,5	
22	2123110123	Huỳnh Thái	Viên	01/09/2005	CCQ2311D	14		6,6		5.5	6,1	8,2	6,9	
23	2123110084	Đào Lê Quang	Vinh	15/03/2004	CCQ2311C	15		4,7		1.0	2,9	7,5	4,7	
24	2123110079	Tạ Thanh	Xuân	23/07/2005	CCQ2311C	16		4,3		0.4	2,4	6,4	4,0	

HL
HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

D: 14
H: 05

T. Tuấn

Môn học: Anh văn I (22400335)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 19

Phòng thi: B103

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 19

Phòng thi: 1D5-29

Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123300118	Hoàng Thị Hoài	An	07/08/2005	CCQ2330B	16	An	8,9	An	9,6	9,3	7,4	8,5	
2	2123300065	Lương Hồng	Ấn	23/02/2005	CCQ2330B	13	hương	6,3	hương	7,8	7,1	9,7	8,1	
3	2123110169	Huỳnh Mạnh Nhứt	Anh	12/09/2002	CCQ2311E						Cấm thi	0,0		
4	2123110193	Lê Gia	Bào	16/12/2005	CCQ2311F	14	lê	7,0	lê	3,8	5,4	7,4	6,2	
5	2123110460	Nguyễn Ngọc Gia	Bào	20/05/2005	CCQ2311E	15	ng	6,0	ng	0,0	3,0	2,9	3,0	
6	2123110211	Đặng Thị Kiều	Diễm	14/04/2005	CCQ2311F						Cấm thi	0,0		
7	2123110145	Nguyễn Tấn	Diệp	10/04/2004	CCQ2311E	16	ng	4,6	Diệp	5,4	5,0	6,9	5,8	
8	2123110163	Đoàn Văn	Đức	27/10/2004	CCQ2311E	13	đ	6,9	đ	6,5	6,7	8,9	7,6	
9	2123300053	Phan Thị Thùy	Dương	12/05/2005	CCQ2330B	14	ph	5,6	ph	4,2	4,9	7,1	5,8	
10	2123110203	Hà Nhật	Duy	28/08/2005	CCQ2311F	15	hà	4,9	duy	5,4	5,2	8,6	6,6	
11	2123110205	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	10/02/2005	CCQ2311F	11	ng	6,0	ng	7,5	6,8	9,4	7,8	
12	2123110207	Hương Phúc	Hải	04/07/2005	CCQ2311F	13	h	7,5	h	4,7	6,1	7,7	6,7	
13	2123110179	Trần Ngọc	Hải	28/03/2005	CCQ2311E						Cấm thi	0,1		
14	2123110215	Bùi Văn	Hệ	08/11/2004	CCQ2311F						Cấm thi	0,0		
15	2123300060	Nguyễn Xuân	Hiệp	21/06/2005	CCQ2330B	14	h	6,1	h	7,8	7,0	8,9	7,8	
16	2123110198	Phạm Văn	Hiệp	16/11/2003	CCQ2311F						Cấm thi	0,0		
17	2123110465	Nguyễn Tấn	Hiệu	28/10/2005	CCQ2311E	15	hi	5,0	hi	1,0	hi	5,7	4,1	
18	2123110152	Nguyễn Hoàng Phi	Hồng	26/04/2005	CCQ2311E	16	ng	6,2	ng	7,0	6,6	7,6	7,0	
19	2123110191	Huỳnh Văn	Huy	20/04/2005	CCQ2311F	13	huy	4,1	huy	3,2	3,7	5,6	4,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

T. Tuấn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400335)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 19

Phòng thi: B103

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110151	Triệu Quốc	Huy	26/01/2005	CCQ2311E	14	Huy	4,4	Huy	3,6	4,0	7,2	5,3	
21	2123110451	Nguyễn Văn	Khang	03/07/2005	CCQ2311F	15	Khang	4,6	Khang	1,5	3,1	4,3	3,6	
22	2123110201	Lê Trương Anh	Kiệt	19/08/2005	CCQ2311F	16	Kiệt	4,3	Kiệt	2,0	3,2	7,5	4,9	
23	2123120710	Lâm Tuấn	Kiệt	02/07/2004	CCQ2312H	13	Kiệt	5,2	Kiệt	5,1	5,2	7,6	6,2	
24	2123300113	Nguyễn Thủy	Kiều	09/01/2005	CCQ2330B	14	Kiều	7,7	Kiều	7,4	7,6	9,9	8,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

A: 16

H: 09

T.Tuân

Môn học: Anh văn 1 (22400335)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: 1D5-29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Cán bộ coi thi 1: *Cam Văn Quốc*
Cán bộ coi thi 2: *Hoàng Nga*
G.Viên chấm thi 1: *Li Bảo Anh*

G.Viên chấm thi 2: *Phạm Văn Tuấn*
G.Viên chấm thi 1: *Thao Loan*
G.Viên chấm thi 2: *Phượng Thị Hè*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HLP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122210154	Bùi Thị Hằng	My	28/04/2003	CCQ2221LA	15	<i>HMU</i>	4,2	<i>HMU</i>	5,9	5,1	8,6	6,5	
2	2123300041	Phạm Trung	Nam	23/01/2005	CCQ2330B	13	<i>Nam</i>	6,0	<i>Nam</i>	4,3	5,2	6,9	5,9	
3	2123110146	Nguyễn Nghĩa	Nhân	30/09/2005	CCQ2311E						<i>Cấm thi</i>	0,0		
4	2123110157	Trần Nhật Thành	Nhân	31/08/2005	CCQ2311E						<i>Cấm thi</i>	0,0		
5	2123110213	Trần Minh	Phát	30/08/2005	CCQ2311F	16	<i>Phát</i>	6,8	<i>Phát</i>	5,2	6,0	7,8	6,7	
6	2123110182	Nguyễn Đình Anh	Phúc	10/02/2005	CCQ2311F						<i>Cấm thi</i>	0,0		
7	2123110202	Phạm Văn Quỳnh	Phúc	21/06/2004	CCQ2311F	14	<i>Phúc /</i>	9,0	<i>Phúc /</i>	7,0	8,0	8,6	8,2	
8	2123110168	Huỳnh Nguyễn Hữu	Quý	16/06/2005	CCQ2311E	16	<i>Quý</i>	7,2	<i>Quý</i>	7,0	7,1	6,9	7,0	
9	2123110175	Trần Phú	Quý	11/08/2005	CCQ2311E						<i>Cấm thi</i>	0,0		
10	2123110197	Trần Thanh	Sang	03/08/2005	CCQ2311F	14	<i>Sang</i>	7,9	<i>Sang</i>	7,0	7,5	10,0	8,5	
11	2123110150	Lê Xuân	Tài	17/07/2005	CCQ2311E	15	<i>Tài</i>	5,3	<i>Tài</i>	5,4	5,4	7,2	6,1	
12	2123110166	Nguyễn Tuấn	Tài	01/07/2005	CCQ2311E	13	<i>Tài</i>	7,2	<i>Tài</i>	7,3	7,3	8,3	7,7	
13	2123110185	Nguyễn Xuân	Thịnh	23/11/2005	CCQ2311F	13	<i>Thịnh</i>	6,2	<i>Thịnh</i>	6,1	6,2	6,1	6,2	
14	2123300070	Đào Nguyễn Anh	Thư	05/05/2005	CCQ2330B	15	<i>Thư</i>	7,1	<i>Thư</i>	6,4	6,8	8,3	7,4	
15	2122050081	Trương Lê Ngọc	Tiên	06/11/2003	CCQ2205C	16	<i>Tiên</i>	5,5	<i>Tiên</i>	4,1	4,8	7,2	5,8	
16	2123110173	Phan Thanh Đức	Tin	13/02/2005	CCQ2311E	13	<i>Tin</i>	5,4	<i>Tin</i>	2,3	3,9	6,0	4,7	
17	2123110183	Trần Trung	Tin	11/03/2005	CCQ2311E						<i>Cấm thi</i>	0,0		
18	2123110187	Trần Văn	Toàn	27/05/2005	CCQ2311F	15	<i>Toàn</i>	7,1	<i>Toàn</i>	5,1	6,1	7,0	6,5	
19	2123300059	Lê Thị Thuý	Trâm	21/05/2005	CCQ2330B	14	<i>Trâm</i>	6,2	<i>Trâm</i>	5,6	5,9	8,3	6,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

T. Tuấn

Môn học: Anh văn 1 (22400335)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 19

Phòng thi: B104

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123100245	Nguyễn Nhật Thuý	Trang	12/03/2005	CCQ2310G	13		8,7		7,6	8,2	10,0	8,9	
21	2123100225	Trần Thị Mỹ	Trình	25/10/2005	CCQ2310G	16		5,5		0,5	3,0	4,6	3,6	
22	2122050074	Nguyễn Hữu	Trọng	29/06/2003	CCQ2205C	15		5,2		4,3	4,8	6,4	5,4	
23	2123110171	Đỗ Đặng Thành	Trung	28/12/2005	CCQ2311E	14	Trung	6,3	Trung	1,4	3,9	6,1	4,8	
24	2123110186	Bùi Quốc	Việt	30/03/2004	CCQ2311F	16	Vy	5,6		5,1	5,4	7,3	6,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 15
H: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn ViếtG.Viên chấm thi 2
Môn ViếtG.Viên chấm thi 1
Môn Văn đápG.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400336)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 14

Phòng thi: B105 Số tờ giấy thi: 14

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 14

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi: 14

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110216	Phạm Hà An	13/09/2005	CCQ2311G	14	An	7,0	An	7,4	7,2	8,3	7,6	
2	2123110233	Lê Đình Bằng	17/08/2005	CCQ2311G	15	Bằng	5,3	Bằng	6,0	5,7	4,7	5,3	
3	2123110249	Hoàng Đình Bảo	14/04/2005	CCQ2311G	16	Bao	6,1	Bao	8,3	7,2	5,3	6,4	
4	2123110538	Huỳnh Quốc Bảo	08/11/2004	CCQ2311G							0,0		
5	21231100242	Lê Huỳnh Bá Bảo	02/09/2005	CCQ2310G									
6	2123110263	Nguyễn Văn Cẩn	08/11/2004	CCQ2311H							0,0		
7	2123110225	Lê Thị Bích Châm	11/02/2005	CCQ2311G	13	Cham	6,8	Cô Thị	7,5	7,2	7,1	7,2	
8	2123110259	Tô Thị Mai Chi	16/11/2005	CCQ2311H	14	Chi	6,2	Chi	6,9	6,6	8,1	7,2	
9	2123110262	Nguyễn Phước Đạt	25/07/2005	CCQ2311H							0,0		
10	2123110234	Vũ Thành Đạt	25/10/2005	CCQ2311G	15	Dat	4,2	Dat	5,0	4,6	4,9	4,7	
11	2123110542	Cao Văn Dũng	10/09/2000	CCQ2311H							0,0		
12	2123100254	Hồ Thị Ngọc Dương	23/09/2005	CCQ2310G	16	Duong	5,1	Duong	4,5	4,8	6,6	5,5	
13	2123110531	Nguyễn Hoàng Duy	23/08/2005	CCQ2311H							0,0		
14	2123110229	Võ Tấn Duy	18/09/2005	CCQ2311G							0,0		
15	2123100247	Lê Nguyễn Gia Hân	02/10/2005	CCQ2310G									
16	2123110252	Văn Thị Ngọc Hằng	18/03/2005	CCQ2311H	13	Hang	6,1	Hang	4,2	5,2	7,3	6,0	
17	2123110278	Ngân Thị Hạnh	11/03/2005	CCQ2311H	14	Hanh	4,6	Hanh	5,3	5,0	7,4	6,0	
18	2123110285	Hoàng Thanh Hồng	01/10/2005	CCQ2311H	15	Hong	8,2	Hong	7,8	8,0	9,5	8,6	
19	2123100219	Võ Thị Ngọc Hồng	16/02/2005	CCQ2310G	16	Hong	6,5	Hong	7,9	7,2	7,4	7,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400336)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 14

Phòng thi: B105 Số tờ giấy thi: 14

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 14

Phòng thi: DS-30 Số tờ giấy thi: 14

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110282	Vân Đức	Hùng	16/03/2005	CCQ2311H						3,6		
21	2123110236	Hồ Phan Nhật	Khang	10/09/2005	CCQ2311G						0,0		
22	2123110268	Bùi Nhật	Khánh	18/03/2005	CCQ2311H						0,0		
23	2123110246	Hồ Văn	Khoa	07/03/2005	CCQ2311G	13	4,5	4,8	5,6	5,6	5,3	5,5	
24	2123110279	Phạm Tuấn	Kiệt	08/11/2005	CCQ2311H	14	4,8	5,0	4,9	6,4	5,5		
25	2123110235	Trần Thị Bích	Liên	31/05/2003	CCQ2311G	15	8,1	6,0	7,1	4,8	6,2		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

D: 18
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400336)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 18...

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 18...

Phòng thi: B106

Số tờ giấy thi: 18...

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 18...

Giờ thi: 9g45

Số bài thi: 18...

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 18...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110240	Đặng Hoàng Long	28/03/2005	CCQ2311G							0,0		
2	2123110241	Hồ Công Minh	07/07/2005	CCQ2311G	14	Minh	6,9	Minh	7,5	7,2	7,4	7,3	
3	2123110230	Tạ Thị Hà	08/01/2005	CCQ2310G							0,0		
4	2123110231	Nguyễn Thị Nga	08/08/1993	CCQ2310G	15	Nga	4,9	Nga	4,6	4,8	7,7	6,0	
5	2123110280	Thân Trường Nhận	13/08/2005	CCQ2311H	16	Nhận	6,2	Nhận	7,8	7,0	7,2	7,1	
6	2123110233	Nguyễn Thị Thu	29/05/2005	CCQ2310G	14	Thu	8,3	Thu	8,7	8,5	8,2	8,4	
7	2123110248	Đặng Kim Như	15/02/2005	CCQ2310G	13	Kim	7,9	Kim	7,9	7,9	9,7	8,6	
8	2123110240	Lương Thị Huỳnh	30/08/2004	CCQ2310G	13	Huỳnh	7,1	Huỳnh	7,6	7,4	8,8	8,0	
9	2123110227	Hoàng Thị Nhung	29/12/2005	CCQ2310G	14	Nhung	7,0	Nhung	8,2	7,6	9,9	8,5	
10	2123110221	Võ Huỳnh Tấn	29/04/2005	CCQ2311G							0,0		
11	2123110247	Nguyễn Minh Phúc	14/10/2005	CCQ2311G	15	Phúc	4,4	Phúc	5,0	4,7	6,1	5,3	
12	2123110241	Trịnh Thị Hồng Phúc	01/09/2004	CCQ2310G	13	Phúc	7,6	Phúc	8,4	8,0	8,3	8,1	
13	2123110224	Nguyễn Hoàng	19/05/2005	CCQ2311G							0,0		
14	2123110273	Nguyễn Hữu Quang	15/08/2005	CCQ2311H	16	Quang	7,6	Quang	7,0	7,3	9,2	8,1	
15	2123110250	Hà Thị Tuyết Quyên	05/08/2005	CCQ2310G	13	Quyên	6,3	Quyên	5,5	5,9	9,0	7,1	
16	2123110267	Lê Bá Tài	20/09/2004	CCQ2311H	16	Tài	4,3	Tài	4,8	4,6	7,0	5,6	
17	2123110272	Ngô Văn Tấn	15/12/2004	CCQ2311H	15	Tấn	6,0	Tấn	6,5	6,3	9,0	7,4	
18	2123110245	Phạm Minh Thân	17/01/2005	CCQ2311G	16	Thân	7,9	Thân	7,8	7,9	9,6	8,6	
19	2123110222	Huỳnh Phúc Tiến	01/04/2005	CCQ2311G	13	Tiến	6,6	Tiến	6,9	6,8	6,5	6,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

61

T. Mạnh

Nguyễn Thị Huyền Trang
Nguyễn Thị Ngọc Yến
Nguyễn Thị Huyền Trang
Nguyễn Thị Ngọc Yến
Nguyễn Thị Huyền Trang
Nguyễn Thị Ngọc Yến

P. A. Nid

P. V. M

Nguyễn Văn Anh

Môn học: Anh văn 1 (22400336)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 18

Phòng thi: B106

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110523	Nguyễn Thị Huyền Trang	10/08/2005	CCQ2311G	AV114	Trang	8,6	Trang	8,0	8,3	3,3	6,3	
21	2123110286	Nguyễn Hữu Trí	13/06/2003	CCQ2311H	AV-15	Trí	2,5	C. Trí	2,4	5,0	7,0	5,8	
22	2123110506	Phan Minh Trường	02/05/2001	CCQ2311G							0,0		
23	2123110462	Nguyễn Hoàng Vũ	30/09/2005	CCQ2311G	AV114		6,8		6,1	6,5	6,0	6,3	
24	2123110254	Nguyễn Thị Ngọc Yến	08/08/2005	CCQ2311H							0,0		

D: 15
H: 4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Thảo

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400338)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 19

Phòng thi: B107

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110463	Cao Thanh	An	16/10/2005	CCQ2311K	16	An	5,3	An	5,7	5,5	5,5	5,5	
2	2123110430	Nguyễn Hồng	Đăng	14/06/2005	CCQ2311K	13	Dang	8,3	Dang	6,6	7,5	8,1	7,7	
3	2122200190	Nguyễn Thị Oai	Danh	08/09/2004	CCQ2220F	14	Danh	7,0	Danh	8,0	7,5	9,6	8,3	
4	2123110426	Phạm Trung	Đạt	11/09/2005	CCQ2311L						Cấm thi	0,0		
5	2122140063	Phan Đức	Đạt	10/04/2004	CCQ2214B	15	Phan	7,9	Phan	7,8	7,4	8,6	7,9	
6	2122110512	Trần Văn	Đức	29/02/2004	CCQ2211L						Cấm thi	0,0		
7	2123220105	Hứa	Duy	30/11/2004	CCQ2322C							4,4	1,8	
8	2123110436	Trần Thành	Hà	25/09/2004	CCQ2311L	14	Ha	3,4				3,9	1,6	
9	2123110412	Lê Thị Thu	Hằng	09/02/2004	CCQ2311K	15	Hang	5,6	Hang	5,2	5,4	6,2	5,7	
10	2122030197	Nguyễn Anh	Hào	05/06/2004	CCQ2203F	16	Hao	4,5	Hao	8,9	6,7	7,8	7,1	
11	2123110415	Trần Thành	Hiền	01/06/2005	CCQ2311L	13	Hien	5,5	Hien	6,8	6,2	5,8	6,0	
12	2123110425	Phạm Huỳnh Minh	Hiếu	10/07/2005	CCQ2311L	14	Hieu	4,3	Hieu	2,2	3,3	4,3	3,7	
13	2123110457	Trương Thanh	Hóa	29/11/2004	CCQ2311L	15	Thu	7,6	Thu	6,8	7,2	7,3	7,2	
14	2123110372	Võ Đình	Hưng	10/09/2005	CCQ2311K						Cấm thi	0,0		
15	2123110441	Lê Tuấn	Huy	09/12/2005	CCQ2311L	16	Hu	7,6	Hu	4,7	6,2	6,3	6,2	
16	2122170407	Nguyễn Ngọc Trường	Huy	05/08/2004	CCQ2211L	13	T.Huy	9,6	T.Huy	8,6	9,1	9,6	9,3	
17	2123110370	Trần Minh	Khang	10/01/2003	CCQ2311K						Cấm thi	0,0		
18	2123110431	Nguyễn Đình	Kiệt	12/09/2005	CCQ2311K	15	Kiet	4,4	Kiet	4,4	4,4	7,1	5,5	
19	2122200206	Phan Thị Thuý	Kiều	04/04/2004	CCQ2220E	18	Kieu	6,9	Kieu	7,6	7,3	8,1	7,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Thảo

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400338)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 19

Phòng thi: B107 Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi: 18

V.T.Q. Anh

Ng. S. N. Linh

ThS. Trần Thị Ái Huyền

P. H. Xuân

P. H. Xuân

Ng. T. T. 1/10

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110532	Trương Quang Nhật	Linh	14/10/2001	CCQ2311K	13	Linh	9.0	Linh	8.4	8.7	9.4	9.0	
21	2122110479	Nguyễn Thái Duy	Luân	30/05/2004	CCQ2211L	14	Linh	6.1	Linh	8.1	7.1	9.4	8.0	
22	2123110413	Trần Văn	Luân	01/10/2005	CCQ2311K	15	Luân	5.4	Luân	2.6	4.0	4.6	4.2	
23	2123220087	Nguyễn Tấn	Lượng	22/04/2005	CCQ2322C						Cấm thi	0.0		
24	2123110414	Đạo Nữ Hoàng Ly	Ly	27/07/2005	CCQ2311L	16	Ly	7.6	Ly	7.2	7.4	6.6	7.1	
25	2123110388	Nguyễn Võ Duy	Nam	01/01/2005	CCQ2311K	13	Ly	5.4	Ly	2.6	4.0	5.2	4.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

D: 12

H: 5

C.Thảo

63

Môn học: Anh văn 1 (22400338)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 17

Phòng thi: B108 Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 16

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi: 16

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122200162	Trịnh Thị Bích	Ngà	23/10/2004	CCQ2220E	15	Ngà	7.6	Ngà	8.1	7.9	9.6	8.6	
2	2123110424	Nguyễn Cửu Minh	Phú	25/10/2005	CCQ2311L	16	Phú	6.5	Phú	8.3	7.6	7.8	7.7	
3	2123110397	Lê Văn	Quý	01/09/2000	CCQ2311K						Cấm thi	0.0		
4	2122200150	Nguyễn Thị Mỹ	Sanh	10/03/2003	CCQ2220E	14	Sanh	7.7	Sanh	9.2	8.5	9.6	8.9	
5	2123110395	Hoàng Văn	Thái	05/11/2000	CCQ2311K						Cấm thi	0.0		
6	2123110423	Kiều Xuân	Thanh	09/06/2004	CCQ2311L	16	Kiều	5.6	Kiều	5.5	5.6	6.0	5.8	
7	2123110407	Phan Trung	Thành	11/11/2005	CCQ2311K	13	Phan	4.8				3.4	1.4	
8	2122120292	Lê Huy	Thông	27/02/2004	CCQ2212I	14	Lê	4.6	Lê	5.2	4.9	5.7	5.2	
9	2123220107	Dặng Ngọc	Thuận	30/07/2005	CCQ2322C	15	Dặng	6.7	Dặng	3.4	5.1	6.0	5.5	
10	2123110452	Hứa Trần Văn	Tiến	09/02/2003	CCQ2311L						Cấm thi	0.0		
11	2123110456	Nguyễn Trọng	Tín	14/07/2004	CCQ2311L							4.7		
12	2122100171	Quách Thu	Trang	14/08/2004	CCQ2210E	15	Trang	6.6	Trang	5.4	6.0	7.5	6.6	
13	2123220100	Vũ Đức	Triệu	29/04/2001	CCQ2322C						Cấm thi			
14	2122170724	Trần Quang	Trưởng	03/05/2004	CCQ2217R	16	Trần	4.3	Trần	5.9	5.1	6.6	5.7	
15	2123110403	Hoàng Lê Anh	Tuấn	25/05/2005	CCQ2311K	13	Hoàng	5.0	Hoàng	2.6	3.8	4.4	4.0	
16	2123220063	Hứa Anh	Tuấn	10/04/2005	CCQ2322C	14	Hứa	4.8	Hứa	3.2	4.0	6.0	4.8	
17	2123110411	Nguyễn Xuân	Tường	25/10/2005	CCQ2311K	15	Nguyễn	5.0	Nguyễn	0	2.5	4.4	3.3	
18	2123110439	Dặng Thị Thanh	Tuyền	29/04/2004	CCQ2311L						Cấm thi	0.0		
19	2123110401	Trương Thành	Tuyền	05/07/2005	CCQ2311K	13	Trương	7.9	Trương	7.1	7.5	8.0	7.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400338)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 17

Phòng thi: B108

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 16

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 16

Phòng thi: DS-30

Số tờ giấy thi: 16

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2120170175	Dương Quang	Vinh	20/08/2001	CCQ2017E					Cấm thi	0,0	/	
21	2123220026	Lê Quang	Vinh	14/04/2005	CCQ2322C	14	6.3	6.3	4.0	5,2	6,4	5,7	
22	2123220101	Trần Hữu	Vinh	21/05/2005	CCQ2322C	15	7.6	7.6	2.0	4,8	5,1	4,9	
23	2123110474	Nguyễn Anh	Vũ	21/09/2005	CCQ2311L	16	6.8	6.8	4.2	5,5	7,0	6,1	
24	2123220065	Trần Lê Thanh	Vũ	20/10/2004	CCQ2322C					Cấm thi	0,0	/	
25	2123110392	Trần Thị Ngọc	Yến	28/09/2005	CCQ2311K	14	6.4	6.4	8.3	7,4	7,5	7,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400340)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 17

Phòng thi: B109

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 15

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 15

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 15

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Vấn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Vấn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123220078	Huỳnh Tuấn	Anh	16/11/2005	CCQ2322B	AV1.14		5,6		6,9	6,3	5,9	6,1	
2	2123220054	Phạm Kỳ	Anh	27/04/2001	CCQ2322B									
3	2123220068	Biểu Thế	Chi	23/09/2005	CCQ2322B	16		6,4		5,5	6,0	7,6	6,6	
4	2123220052	Võ Tấn	Công	10/04/2005	CCQ2322B									
5	2123220053	Lê Quang	Đạo	03/01/2005	CCQ2322B	14		4,9		5,3	5,1	4,9	5,0	
6	2123220070	Mai Chi	Đạt	09/04/2002	CCQ2322B									
7	2123220024	Lê Văn	Đô	17/04/2005	CCQ2322A									
8	2123220057	Nguyễn Thành	Được	11/01/2002	CCQ2322B									
9	2123220043	Trần Nhật	Duy	14/09/2005	CCQ2322B	14		5,7		7,1	6,4	8,2	7,1	
10	2123220040	Tạ Quang	Hà	08/01/2004	CCQ2322B							0,5		
11	2123220064	Trương Thị Thúy	Hằng	17/02/2005	CCQ2322B									
12	2122050033	Phạm Đức	Hào	25/08/2004	CCQ2203F	13		5,8		5,3	5,6	7,7	6,4	
13	2123220013	Trần Đức	Hoàn	23/04/2002	CCQ2322A	134		4,6		4,4	4,5	4,9	4,7	
14	2123220038	Nguyễn Đình	Hoàng	22/05/2005	CCQ2322A	15		6,3		7,0	6,7	7,7	7,1	
15	2123220048	Phan Hữu	Hoàng	12/05/2005	CCQ2322B	16		6,6		7,5	7,1	8,0	7,5	
16	2123220056	Viên Văn	Hoàng	18/09/2003	CCQ2322B							0,0		
17	2122030214	Phan Hữu	Hợp	10/04/2004	CCQ2203E	14		4,4		6,4	5,4	6,5	5,8	
18	2123220008	Hứa Minh	Hung	08/02/2005	CCQ2322A	15		3,8			0,0	4,3	1,7	
19	2123220002	Trần Thị	Hương	10/06/2004	CCQ2322A	16		6,4		1,3	3,9	8,0	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400340)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 17

Phòng thi: B109

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123220003	Phạm Quốc	Huy	14/05/2005	CCQ2322A	13	Huy	6,8	Huy	5,0	5,9	6,0	5,9	
21	2123220039	Phạm Văn	Huy	09/09/2005	CCQ2322B	14	Huy	3,5			0,0	3,3	1,3	
22	2123220033	Đinh Văn	Khang	02/09/2005	CCQ2322A	15	Khang	5,0	Khang	3,3	4,2	7,7	5,6	
23	2122110293	Nguyễn Phạm Gia	Khang	11/04/2004	CCQ2211H	16	Khang	7,1	Khang	3,9	5,5	3,9	4,9	
24	2123220029	Lê Anh	Khoa	05/11/2005	CCQ2322A	13	Khoa	8,0	Khoa	8,9	8,5	9,8	9,0	
25	2122110298	Nguyễn Văn	Liêm	30/09/2004	CCQ2211H	14	Liêm	5,9	Liêm	3,8	4,9	6,9	5,7	

HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Loan

Môn học: Anh văn 1 (22400340)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 17

Phòng thi: B201

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 30

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 30

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi: 30

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170180	Phan Tiến	Lộc	11/07/2004	CCQ2217L							0,0		Vắng
2	2123220031	Hồ Văn	Long	21/05/2005	CCQ2322A	19		5,9		5,9	5,9	5,4	5,7	
3	2123220062	Nguyễn Hoàng	Mai	04/09/2003	CCQ2322B	15		3,9		3,3	3,6	3,7	3,6	
4	2123220051	Quách Công	Nam	17/07/2005	CCQ2322B	13	Nam	4,8			0,0	6,4	2,6	
5	2123220032	Trần Văn	Nghĩa	11/06/2005	CCQ2322A	14	ngĩa	6,7	ngĩa	5,5	6,1	3,0	4,9	
6	2123220059	Trần Thái	Nguyên	11/11/2005	CCQ2322B	15	gĩa	5,0	gĩa	5,7	5,4	5,5	5,4	
7	2123220015	Vũ Trung	Nguyễn	22/03/2005	CCQ2322A									Vắng
8	2123220067	Nguyễn Công Triệu	Phú	09/06/2005	CCQ2322B	16	Phú	6,9	Phú	8,3	7,6	6,6	7,2	
9	2123220017	Lê Anh	Quân	23/03/2005	CCQ2322A	13	Quân	5,6	Quân	6,0	5,8	5,2	5,6	
10	2123220023	Nguyễn Việt	Quang	07/05/2005	CCQ2322A	14	Quang	7,0	Quang	8,0	7,5	6,2	7,0	
11	2122110312	Mai Vũ	Quốc	19/06/2003	CCQ2211H	11	Quốc	6,8	Quốc	8,4	7,6	6,8	7,3	
12	2123220018	Đào Văn	Quý	08/12/2005	CCQ2322A	16	Quý	6,4	Quý	8,6	7,5	9,0	8,1	
13	2123220027	Nguyễn Ngọc	Quyên	10/09/2005	CCQ2322A									Vắng
14	2123220019	Ngô Quang	Tài	29/07/2005	CCQ2322A	14	Tài	4,1	Tài	5,2	4,7	5,2	4,9	
15	2123220041	Phạm Minh	Tâm	12/01/2005	CCQ2322B	15	Tâm	8,0	Tâm	8,4	8,2	8,5	8,3	
16	2122170128	Lê Thân	Thị	19/12/2004	CCQ2217D							0,0		Vắng
17	2123220025	Võ Minh	Thông	02/09/2005	CCQ2322A	13	Thông	6,5	Thông	8,1	7,3	8,7	7,9	
18	2123220073	Nguyễn Quang	Thuận	13/01/2003	CCQ2322B									Vắng
19	2123220106	Lê Nguyễn Quang	Tiến	26/04/2004	CCQ2322A							0,0		Vắng

HL

HL

HL

HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Loan

Môn học: Anh văn 1 (22400340)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 11

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 1

Phòng thi: B201

Số tờ giấy thi: 1

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 11

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 1

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123220046	Nguyễn Đăng Minh	Tiến	29/06/2004	CCQ2322B	16		7,2		8,3	7,8	5,7	7,0	
21	2123220071	Nguyễn Khương	Toại	12/07/2003	CCQ2322B	13		8,2		7,0	7,6	8,6	8,0	
22	2123220037	Đỗ Hương	Trâm	10/02/2004	CCQ2322B									
23	2123220075	Vũ Văn	Trọng	25/04/2004	CCQ2322A							0,3	0,1	
24	2123220077	Phạm Tấn	Trường	16/03/2005	CCQ2322B	14		3,9			0,0	3,8	1,5	
25	2123220001	Phạm Thị Thanh	Tú	26/09/2005	CCQ2322A	15		7,2		5,6	6,4	8,3	7,2	

HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400342)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 17

Phòng thi: B202 Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Phan Kim Ngân

Cán bộ coi thi 2

Thị Tố Thu

G.Viên chấm thi 1

Môn Viết

Phạm Thị Thu

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Trần Thị Đình Hương

G.Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

Nguyễn Thị Đình Hương

G.Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Nguyễn Thị Đình Hương

C. Hương

Nguyễn Thị Đình Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170492	Nguyễn Duy	An	18/01/2005	CCQ2317N	16		4,3		1,6	3,0	6,8	4,5	Học lại
2	2123170442	Tổng Hoàng Ngọc	Anh	26/09/2004	CCQ2317M						Cấm thi			
3	2123170494	Nguyễn Đình	Dăng	22/07/2005	CCQ2317N	16		5,3		0	2,7	6,6	4,3	Học lại
4	2123170446	Nguyễn Tấn	Đạt	22/07/2005	CCQ2317M						Cấm thi	0,0	0,0	Học lại
5	2123170491	Nguyễn Trường	Duy	25/06/2005	CCQ2317N	15		5,9		3,2	4,6	7,3	5,7	
6	2123170493	Nguyễn Lê Thanh	Hải	09/01/2005	CCQ2317N	16		5,2		4,2	4,7	6,7	5,5	
7	2123170437	Đặng Ngọc	Hiển	13/08/2005	CCQ2317M	15		5,2		7,5	6,9	8,8	7,7	
8	2123170484	Đỗ Khánh	Hoà	26/09/2005	CCQ2317N	13		3,9		3,0	3,5	7,7	5,2	
9	2123170441	Nguyễn Đoàn Minh	Hòa	26/09/2005	CCQ2317M	14		5,7		4,9	5,3	6,9	5,9	
10	2123170488	Thái Thanh	Hoài	07/08/2005	CCQ2317N	13		5,7		1,6	3,7	5,2	4,3	Học lại
11	2123170487	Hồ Việt	Hoàng	19/03/2003	CCQ2317N									
12	2123170440	Nguyễn Huy	Hoàng	12/11/2004	CCQ2317M									
13	2123170473	Phạm Gia	Huân	31/08/2005	CCQ2317N	13		7,3		3,5	5,4	8,5	6,6	
14	2123170472	Trịnh Chí	Hương	26/09/2005	CCQ2317N	14		6,3		6,1	6,2	9,6	7,6	
15	2123170444	Đặng Tuấn	Khanh	26/02/2005	CCQ2317M	12		6,9		3,0	5,0	6,8	5,7	
16	2123170430	Nguyễn Duy	Khánh	04/11/2005	CCQ2317M	13		5,4		4,3	4,9	7,5	5,9	
17	2123170435	Lâu Phùng	Khinh	14/03/2005	CCQ2317M	14		5,0		6,0	5,5	9,0	6,9	
18	2123170461	Đương Chí	Kiệt	01/05/2005	CCQ2317N						Cấm thi	0,0	0,0	Học lại
19	2123170457	Tạ Văn	Luyến	09/03/2005	CCQ2317M	13		5,1		8,1	6,6	7,1	6,8	

66

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400342)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 17

Phòng thi: B202 Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 17

Phòng thi: DS-26 Số tờ giấy thi: 17

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170455	Nguyễn Duy Mạnh	14/11/2005	CCQ2317M						0	6,0	2,4	thực lại
21	2123170495	Nguyễn Duy Nam	03/03/2005	CCQ2317N	16	clam	5,0	Có thi	2,8	3,9	8,0	5,5	
22	2123170476	Trần Hạo	04/10/2005	CCQ2317N	15	my	3,2	my	3,2	3,2	8,0	5,1	
23	2123170471	Phạm Tuấn Nguyễn	30/10/2005	CCQ2317N						Cấm thi	0,0	0,0	
24	2123170425	Ngô Đỗ Đình Nhung	19/12/2005	CCQ2317M	16	my	5,3	Có thi	5,9	5,6	8,9	6,9	
25	2123170423	Huỳnh Nguyễn Tấn Phát	16/11/2005	CCQ2317M									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Hương

Môn học: Anh văn 1 (22400342)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn
H. Tuấn
Đ: 14
H: 08

Phan
P.T. M. Thảo

Phan Thị Thảo

Trần Thị Hương

Trần

Nguyễn Thị Hòa

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170428	Nguyễn Huỳnh Thành	Phát	01/12/2004	CCQ2317M	15	Phát	4,5	Phát	3,5	4,0	8,4	5,8	
2	2123170460	Từ Gia	Phúc	28/08/2005	CCQ2317M	16	Phúc	4,5	Phúc	0	2,3	8,1	4,6	Học lại
3	2123170433	Nguyễn Thanh	Quân	31/03/2005	CCQ2317M	13	Quân	5,1	Quân	4,4	4,8	9,0	6,5	
4	2123170468	Thái Nguyễn Anh	Quân	02/04/2005	CCQ2317N	14	Quân	4,4	Quân	2,8	3,6	7,5	5,2	
5	2123170463	Thái Minh	Sang	12/05/2005	CCQ2317N	15	Sang	6,4	Sang	6,1	6,3	7,8	6,9	
6	2123170439	Lê Nhật	Thắng	01/02/2005	CCQ2317M									Học lại
7	2123170458	Đình Công	Thanh	16/09/2005	CCQ2317M	13	Thanh	7,0	Thanh	4,2	5,6	8,6	6,8	
8	2123170466	Nguyễn Bá	Thành	13/12/2005	CCQ2317N	14	Thành	6,6	Thành	0	3,3	4,5	3,8	Học lại
9	2123170462	Dương Văn	Thảo	16/04/2004	CCQ2317N	15	Thảo	4,2	Thảo	0	2,1	3,8	2,8	Học lại
10	2123170445	Huỳnh Hoàng	Thiên	11/03/2005	CCQ2317M	16	Thiên	6,6	Thiên	5,2	5,9	6,2	6,0	
11	2123170449	Phan Phạm Quốc	Thịnh	27/05/2005	CCQ2317M	13	Thịnh	6,0	Thịnh	5,9	6,0	9,3	7,3	
12	2123170456	Nguyễn Minh	Thuận	05/12/2005	CCQ2317M	14	Thuận	5,9	Thuận	4,2	5,1	6,0	5,5	
13	2123170426	Nguyễn Minh	Tiến	04/03/2005	CCQ2317M	15	Tiến	6,1	Tiến	5,3	5,7	8,2	6,7	
14	2123170431	Thần Mạnh	Tiến	10/02/2005	CCQ2317M	16	Tiến	4,4	Tiến	4,4	4,4	8,3	6,0	
15	2123170427	Nguyễn Tấn	Tín	25/03/2004	CCQ2317M						Cấm thi	0,0	0,0	Học lại
16	2123170482	Nguyễn Trung	Tín	28/02/2005	CCQ2317N	14	Tín	5,1	Tín	5,1	5,1	9,1	6,7	
17	2123170467	Phan Quốc	Toàn	21/09/2005	CCQ2317N						0	2,6	1,0	Học lại
18	2123170481	Trần Trọng	Trúc	19/11/2005	CCQ2317N	13	Trúc	1,7	Trúc	2,5	2,1	4,3	3,0	Học lại
19	2123170436	Nguyễn Nhật	Trung	12/12/2005	CCQ2317M									

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

(67)

Môn học: Anh văn 1 (22400342)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 21...

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 21...

Phòng thi: B203 Số tờ giấy thi: 21...

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 21...

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 21...

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 21...

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn H. Tuyền

Cán bộ coi thi 2

Phạm N. Thái

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Phạm Thị Thái

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Trần Thị Hương

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Nguyễn T. T. Hương

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn T. T. Hương

C. Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170496	Nguyễn Quang	Trường	12/12/2005	CCQ2317N	19	<i>Quang</i>	5,6	<i>Quang</i>	3,3	4,5	5,2	4,8	Học lại
21	2123170497	Huỳnh Anh	Tuấn	09/02/2005	CCQ2317N	16	<i>Quang</i>	3,9	<i>Quang</i>	0	2,0	7,1	4,0	Học lại
22	2123170483	Huỳnh Công	Tuấn	18/08/2005	CCQ2317N	13	<i>Quang</i>	5,2	<i>Quang</i>	5,0	5,1	6,6	5,8	
23	2123170474	Nguyễn Chanh	Uôn	26/09/2005	CCQ2317N	14	<i>Uôn</i>	5,0	<i>Uôn</i>	5,0	5,0	9,1	6,6	
24	2123170434	Nguyễn Vũ Thành	Viên	24/04/2005	CCQ2317M	15	<i>Viên</i>	5,0	<i>Viên</i>	2,7	3,9	9,1	6,0	
25	2123170470	Hồ Thế	Vỹ	31/03/2005	CCQ2317N	16	<i>Vỹ</i>	6,2	<i>Vỹ</i>	6,4	6,3	8,7	7,3	

Đ. 11
H. 06

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400343)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 17

Phòng thi: B204

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-31

Số tờ giấy thi: 17

Khi T. Hiên

Phan T. Thu

Phan T. Thu

Phan T. Thu

Phan T. Thu

Phan T. Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170549	Hồ Quốc	Anh	09/06/2005	CCQ2317P	14	Anh	5.2	Anh	5.5	5.4	5.2	5.3	
2	2123170509	Lê Đức	Anh	05/09/2005	CCQ2317O	15	Đức	5.8	Đức	5.5	5.7	7.5	6.4	
3	2123170606	Nguyễn Việt	Chung	30/08/2005	CCQ2317O									
4	2123170548	Nguyễn Thành	Đạt	01/08/2005	CCQ2317P						0.0			
5	2123170530	Đỗ Tấn	Định	22/08/2005	CCQ2317O	14	Định	6.0	Định	6.4	6.2	9.0	7.3	
6	2123170521	Hồ Bá	Dũng	10/03/2005	CCQ2317O	15	Dũng	4.8	Dũng	4.0	4.4	5.1	4.7	
7	2123170524	Nguyễn Trung	Dũng	03/01/2005	CCQ2317O	16	Trung	5.4	Trung	3.0	4.2	7.1	5.4	
8	2123170540	Phạm Đăng	Dương	17/10/2005	CCQ2317P	13	Dương	3.6	Dương	0.0	1.8	4.6	2.9	
9	2123170557	Huỳnh Minh	Dương	27/09/2005	CCQ2317P	14	Minh	3.9	Minh	2.0	3.0	7.6	4.8	
10	2123170569	Phạm Phúc	Duy	26/12/2005	CCQ2317P	15	Phúc	4.4	Phúc	5.8	5.1	6.6	5.7	
11	2122030064	Võ Trần	Duy	04/09/2004	CCQ2203B	16	Trần	4.1	Trần	0.0	2.1	4.0	2.9	
12	2123170537	Nguyễn Phúc	Hào	17/08/2005	CCQ2317P									
13	2123170518	Trần Văn	Hậu	16/03/2005	CCQ2317O	14	Hậu	5.9	Hậu	5.7	5.8	8.8	7.0	
14	2123170539	Mai Thái	Hoà	05/10/2005	CCQ2317P									
15	2123170559	Cao Khả	Hoàn	25/07/2005	CCQ2317P						4.5			
16	2123170552	Đinh Trung	Hoàng	02/12/2004	CCQ2317P									
17	2123170519	Huỳnh Văn	Hoàng	25/05/2005	CCQ2317O									
18	2123170564	Nguyễn Ngọc	Hùng	23/11/2004	CCQ2317P	15	Ngọc	1.9	Ngọc	6.1	4.0	6.2	4.9	
19	2123170567	Đặng Lê Minh	Huy	09/04/2005	CCQ2317P	16	Minh	6.1	Minh	5.8	6.0	6.6	6.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400343)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 17

Phòng thi: B204 Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-31 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Vũ T. Hiền

PTN TW

G. Chi Khanh Thảo

Pha T. Thu

NT. Ngoc

Tha S Loan

C. Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170542	Nguyễn Văn	Huy	06/11/2005	CCQ2317P	13	Huy	7.1	Huy	5.1	6.1	8.3	7.0	
21	2123170510	Trần Phúc	Kha	03/03/2005	CCQ2317O	14	Kha	5.4	Kha	5.8	5.6	8.8	6.9	
22	2123170538	Vũ Quang	Nam	24/12/2005	CCQ2317P	15	Quang	5.2	Quang	3.5	4.4	5.5	4.8	
23	2123170529	Hoàng Đình	Nguyễn	24/08/2005	CCQ2317O	16	Nguyen	6.0	Nguyen	7.7	6.9	8.9	7.7	
24	2123170546	Lê Văn	Phi	22/03/2005	CCQ2317P									
25	2123170500	Lâm Thành	Phúc	28/08/2005	CCQ2317O	14	Phuc	6.7	Phuc	7.2	7.0	7.7	7.3	

Đ: 17
H: 01

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Thu

Môn học: Anh văn 1 (22400343)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 1.8

Phòng thi: B205 Số tờ giấy thi: 1.8

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 1

Phòng thi: D5-31 Số tờ giấy thi: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (50%)	Điểm QT (40%)	Điểm H.P	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170550	Đoàn Quang	Sinh	02/03/2005	CCQ2317P	13	Sinh	4.6	Sinh	3.1	3.9	4.5	4.1	
2	2123070014	Son	Son	22/03/2005	CCQ2307A	16	Son	5.9	Son	3.2	7.1	8.0	7.5	
3	2123070015	Trần Ngọc Tấn	Tài	10/04/2005	CCQ2307A	15	Tài	7.0	Tài	5.5	6.2	8.8	7.2	
4	2123170570	Võ Phú	Tài	21/06/2005	CCQ2317P	14	Tài	6.2	Tài	6.0	6.1	8.3	7.0	
5	2123170532	Trần Chí	Tâm	07/11/2005	CCQ2317O	13	Tâm	4.4	Tâm	2.8	3.6	7.7	5.2	
6	2123170520	Nguyễn Quốc	Thái	21/07/2005	CCQ2317O									
7	2123170568	Ngô Đức	Thắng	12/10/2005	CCQ2317P	15	Thắng	3.8	Thắng	4.6	4.2	8.2	5.8	
8	2123170531	Nguyễn Ngọc	Thắng	18/11/2005	CCQ2317O	14	Thắng	5.2	Thắng	4.0	4.6	8.5	6.2	
9	2123170514	Phan Hữu	Thị	27/01/2005	CCQ2317O	13	Thị	7.2	Thị	4.4	5.8	8.9	7.0	
10	2123070028	Nguyễn Thành	Thư	03/02/2004	CCQ2307A							0.0		
11	2123070025	Nguyễn Anh	Thư	08/07/2005	CCQ2307A	15	Thư	5.0	Thư	4.2	4.6	8.3	6.1	
12	2122100061	Hoàng Thị Lệ	Thủy	27/03/2004	CCQ2210B	14	Thủy	5.1	Thủy	6.5	5.8	8.6	6.9	
13	2123170560	Nguyễn Nhật	Tiến	19/06/2005	CCQ2317P							6.4		
14	2123170507	Nguyễn Bảo	Tin	23/06/2005	CCQ2317O									
15	2123170562	Phạm Chí	Tinh	15/09/2005	CCQ2317P	15	Tinh	8.3	Tinh	6.7	7.5	9.3	8.2	
16	2123170506	Ngô Vĩnh	Toàn	16/04/2005	CCQ2317O							4.6		
17	2123070005	Phạm Thị Huyền	Trâm	23/12/2005	CCQ2307A	13	Trâm	8.1	Trâm	6.5	7.2	9.3	8.0	
18	2123170508	Trương Thiết	Tri	15/12/2004	CCQ2317O	16	Tri	4.1	Tri	5.1	4.6	6.8	5.5	
19	2123070018	Trần Ngọc	Trình	17/10/2005	CCQ2307A	15	Trình	7.1	Trình	7.0	7.1	9.9	8.2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

C.Thư

Môn học: Anh văn 1 (22400343)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 18

Phòng thi: B205 Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-31 Số tờ giấy thi:

Le My
P.N. Phung

Canh
Vo Duc Bao

Go Chi Khanh
Ghi Khanh

P.T. Du

NT. Nang

Thao Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123070010	Hoàng Nguyễn Tô	Uyên	13/08/2005	CCQ2307A							0,0		
21	2123070006	Nguyễn Xuân	Văn	27/03/2005	CCQ2307A	13	Van	6.4	Van	7.5	7.0	6,9	7.0	
22	2123170523	Hồ Công	Viên	08/11/2005	CCQ2317O									
23	2123170533	Nguyễn Trung	Việt	11/10/2005	CCQ2317O	16	Viêt	5.0	Viêt	4.7	4.9	8,3	6.3	
24	2123170505	Võ Thiện	Vương	06/11/2005	CCQ2317O	15	Vuong	7.2	Vuong	6.7	7.0	9,5	8.0	
25	2123070002	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	05/08/2005	CCQ2307A	14	My	5.6	My	5.0	5.3	9,4	6.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Hồ

Môn học: Anh văn 1 (22400344)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 17

Phòng thi: B206

Số tờ giấy thi: 47

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn ViếtG. Viên chấm thi 2
Môn ViếtG. Viên chấm thi 1
Môn Văn đápG. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170588	Hoàng Kỳ	Anh	24/04/2005	CCQ2317Q							6,0		
2	2123170580	Kiều Quốc	Anh	27/08/2005	CCQ2317Q	15	Anh	7,5	Anh	6,8	7,2	7,5	7,3	
3	2123170589	Trần Phương	Bình	10/10/2005	CCQ2317Q	14	Bình	7,4	Bình	6,2	6,8	8,4	7,4	
4	2123170585	Thắm Đức	Cường	04/10/2005	CCQ2317Q							6,1		
5	2123170632	Bùi Ngọc	Danh	08/07/2005	CCQ2317R						Cấm thi			
6	2123170599	Nguyễn Đức	Đạt	05/10/2004	CCQ2317Q	13	Đạt	3,6	Đạt	4,5	4,1	6,8	5,2	
7	2122200182	Phan Thị	Diễm	16/08/2004	CCQ2220F	16	Diễm	5,8	Diễm	6,1	6,0	7,0	6,4	
8	2123170598	Trần Văn	Dũng	15/05/2005	CCQ2317Q	15	Dũng	7,0	Dũng	4,8	5,9	7,0	6,3	
9	2123170633	Bùi Trần Trung	Dương	10/09/2005	CCQ2317R	13	Dương	6,2	Dương	2,0	4,1	7,0	5,3	
10	2123170618	Đàng Năng	Dương	28/01/2005	CCQ2317R	14	Đàng	5,1	Đàng	0,0	2,6	6,0	4,0	HL
11	2123170621	Ngư Trung	Dương	14/10/2005	CCQ2317R	13	Dương	3,6	Dương	4,3	4,0	6,5	5,0	
12	2123170574	Mai Quốc	Đuy	14/07/2005	CCQ2317Q						Cấm thi			
13	2123170604	Phan Quý	Hải	20/11/2005	CCQ2317Q	15	Quý	7,7	Hải	7,0	7,4	8,0	7,6	
14	2123170624	Hoàng Văn	Hiếu	07/04/1997	CCQ2317R							0,0		
15	2123170627	Nguyễn Duy	Hoàn	10/12/2005	CCQ2317R	13	Hoàn	5,4	Hoàn	7,3	6,4	7,8	7,0	
16	2123170619	Vương Xuân	Hoàng	02/11/2005	CCQ2317R						Cấm thi			
17	2123170582	Lê Văn	Huy	19/12/2004	CCQ2317Q	16	Huy	5,0	Huy	5,5	5,3	6,5	5,8	
18	2123170608	Thập Quang	Huy	06/01/2005	CCQ2317Q						Cấm thi			
19	2123170641	Trần Xuân Gia	Khang	19/11/2005	CCQ2317R	14	Khang	3,1	Khang	3,5	3,3	6,5	4,6	HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.H.

Môn học: Anh văn 1 (22400344)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 17

Phòng thi: B206 Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: DS-30 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Wuu
Hải Phước

Cán bộ coi thi 2

leal
Bùi Thị Huệ

G.Viên chấm thi
Môn Viết

Nguyễn Thị Thanh Vân

G.Viên chấm thi
Môn Viết

Phuong Anh

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

h.T.Nguy

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Phan Thị Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm H.P	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170601	Võ Ngọc	Khanh	30/07/2005	CCQ2317Q	16	Khanh	3.0	Khanh	4.5	3.8	4,5	4.1	HL
21	2123170586	Nguyễn Minh	Khánh	19/01/2005	CCQ2317Q						Cấm thi	0,0		
22	2123170595	Nguyễn Quốc	Khánh	03/05/2005	CCQ2317Q	15	Khánh	3.0	Khánh	4.0	3.5	6,7	4.8	HL
23	2123170583	Trần Văn	Kiệt	20/04/2005	CCQ2317Q	14	Kiệt	4.2	Kiệt	5.0	4.6	6,5	5.4	
24	2122170700	Nguyễn Thành	Luân	12/04/2004	CCQ2217R	13	Luân	6.1	Luân	6.0	6.1	6,5	6.3	
25	2123170579	Tăng Đào Anh	Nguyễn	21/06/2005	CCQ2317Q	16	Nguyễn	6.5	Nguyễn	5.8	6.2	8,0	6.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 16
R: 02

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn ViếtG.Viên chấm thi 2
Môn ViếtG.Viên chấm thi 1
Môn Văn đápG.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400344)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 19

Phòng thi: B207

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HPP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170578	Trần Nhất	Nguyễn	11/04/2005	CCQ2317Q	15	Nguyễn	5.1	Nguyễn	4.5	4.8	7.0	5.7	
2	2123170607	Đinh	Nhân	10/04/2005	CCQ2317Q	16	Nhân	5.8	Nhân	5.0	5.4	6.8	6.0	
3	2123170640	Trần Cảnh	Nhật	20/02/2005	CCQ2317R	13	Nhật	6.2	Trần	3.5	4.9	6.0	5.3	
4	2123170610	Nguyễn Hữu	Nhật	02/07/2005	CCQ2317R	14	Nhật	3.6	Nhật	5.5	4.6	7.0	5.6	
5	2123170581	Trịnh Thế	Phong	05/08/2005	CCQ2317Q							4.5		
6	2123170625	Huỳnh Ngọc	Phúc	18/01/2005	CCQ2317R						Cấm thi	1.0		
7	2122110353	Nguyễn Thị Xuân	Phương	19/01/2004	CCQ2220G	13	Phương	6.0	Phương	7.5	6.8	8.0	7.3	
8	2123170631	Phan Trần	Sang	24/01/2005	CCQ2317R	14	Sang	6.7	Sang	8.2	7.5	7.0	7.3	
9	2123170571	Nguyễn Đức	Tài	11/04/2005	CCQ2317Q	15	Đức	6.8	Đức	8.1	7.5	8.6	7.9	
10	2123170623	Nguyễn Công	Tân	11/09/2005	CCQ2317R	16	Tân	4.6	Tân	4.2	4.4	7.0	5.4	
11	2123170636	Đỗ Đình	Tân	28/01/2004	CCQ2317R						Cấm thi	0.0		
12	2123170605	Đỗ Huỳnh Quốc	Thắng	02/08/2005	CCQ2317Q	13	Thắng	7.0	Thắng	7.1	7.1	7.3	7.2	
13	2123170587	Võ Tiến	Thanh	06/08/2005	CCQ2317Q						Cấm thi			
14	2123170626	Nguyễn Văn	Thành	27/01/2005	CCQ2317R	16	Thành	6.8	Thành	7.7	7.2	8.0	7.6	
15	2123170615	Quảng Đại	Thiện	12/06/2004	CCQ2317R	13	Thiện	4.9	Thiện	4.8	4.9	7.0	5.7	
16	2123170596	Nguyễn Duy	Thức	15/04/2005	CCQ2317Q	14	Thức	5.3	Thức	2.0	3.7	7.0	5.0	
17	2122110436	Hoàng Thanh	Thương	25/08/2004	CCQ2211A	14	Thương	3.2			1.6	6.8	3.7	HL
18	2123170630	Nguyễn Đăng	Tiến	30/09/2005	CCQ2317R	13	Tiến	5.5	Tiến	2.6	4.1	6.5	5.1	
19	2122120497	Nguyễn Thị Thuý	Trang	25/10/2004	CCQ2212G	19	Trang	6.9	Trang	4.0	5.5	7.5	6.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

71

C.Hà

Môn học: Anh văn 1 (22400344)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 19

Phòng thi: B207

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 23/4/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Văn
Lê Phan
Thủy Tiên

Bùi T.T. Phụng

Nguyễn Thị Thanh

Phạm Thị Hào

N.T. Hằng

Phan Thị Hào

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170613	Nguyễn Hữu	Trình	05/11/2005	CCQ2317R	15		6.3		6.8	6.6	7,0	6.8	
21	2123170637	Lê Thanh	Trọng	31/10/2005	CCQ2317R	16		5.5		7.2	6.4	8,6	7.4	
22	2123170577	Nguyễn Hoàng	Tuấn	08/11/2005	CCQ2317Q						Cấm thi			
23	2123170572	Trịnh Ngọc	Vinh	13/05/2005	CCQ2317Q						Cấm thi			
24	2122120417	Vân Thị	Vy	29/09/2004	CCQ2220E	13		7.4		7.3	7.4	7,5	7.4	
25	2123170592	Phan Chí	Vỹ	15/08/2005	CCQ2317Q	14		4.6		0.0	2.3	6,5	4.0	HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Lê Thảo

72

Môn học: Anh văn 1 (22400345)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 15

Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 15

Phòng thi: B208 Số tờ giấy thi: 15

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 15

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 15

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi: 15

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Vấn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Vấn đáp

Nguyễn Thị Thu Hà

NT Bảo Ngọc

Phan Thị Thu

Lê Thị Thanh Thảo

Ch. Thu

Ng. Thảo Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HLP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123300033	Nguyễn Trần	Châu	04/03/2005	CCQ2330A	14		7,6		7,0	7,3	8,9	7,9	
2	2123300019	Võ Minh	Chiến	02/11/2005	CCQ2330A	15		7,4		7,0	7,2	5,8	6,6	
3	2123300026	Lê Trần Kiều	Diễm	05/04/2005	CCQ2330A	16		6,1		5,7	5,9	8,4	6,9	
4	2123300117	Trần Thị Linh	Doan	13/12/2005	CCQ2330D	13		5,3		3,5	4,4	7,0	5,4	
5	2123300129	Lê Xuân	Đức	05/05/2004	CCQ2330D	14		5,1		4,1	4,6	6,5	5,4	
6	2123300106	Nguyễn Thanh	Dương	01/03/2005	CCQ2330C	15		7,1		3,6	5,4	8,6	6,7	
7	2123300007	Nguyễn Thái	Duy	28/02/2005	CCQ2330A	13		4,3		4,4	4,4	6,3	5,2	
8	2123300120	Võ Văn	Giang	10/06/2002	CCQ2330D							1,8		
9	2123300115	Lê Thanh	Hậu	06/12/2005	CCQ2330D	15		9,4		6,5	8,0	8,7	8,3	
10	2123300016	Hoàng Văn	Hiệp	03/08/2005	CCQ2330A									
11	2123300018	Dàm Vĩnh	Hưng	01/11/2002	CCQ2330A									
12	2123300075	Nguyễn Thị	Hưng	09/04/2005	CCQ2330C	16		8,8		8,0	8,4	9,8	9,0	
13	2123300095	Trần Thị Thu	Hương	05/01/2005	CCQ2330C	14		6,6		8,0	7,3	9,6	8,2	
14	2123300131	Dặng Thị Ngọc	Hường	29/04/2003	CCQ2330C	15		8,8		9,0	8,9	8,2	8,6	
15	2123300108	Lê Văn Tuấn	Khang	18/03/2005	CCQ2330C	13		5,1		3,6	4,4	9,0	6,2	
16	2123300030	Mai Hà	Khôi	17/08/2004	CCQ2330A	15		5,3		4,0	4,7	6,8	5,5	
17	2123300124	Đoàn Thanh	Kiệt	09/01/2004	CCQ2330D									
18	2123300082	Trần Ngọc Châu Gia	Kiệt	07/12/2005	CCQ2330C									
19	2123300023	Từ Thế	Lâm	01/01/2005	CCQ2330A									

72

C. Lê Thảo

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

ôn học: Anh văn 1 (22400345)

Thi Viết:

gày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 15... - Thi Văn đáp: Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 15...
giờ thi: 14g45 Số bài thi: 15... Giờ thi: 7h30 Số bài thi:
Phòng thi: B208 Số tờ giấy thi: 15... Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn T. Thuần* Cán bộ coi thi 2: *NT Bảo Hoàng* G. Viên chấm thi 1 Môn Viết: *Phan Thị Thu* G. Viên chấm thi 2 Môn Viết: *Lê Thị Thanh Thảo* G. Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp: *Phan Thị Thu* G. Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp: *Nguyễn Thị Thảo*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123300099	Bùi Quang	Linh	25/02/2000	CCQ2330C						0,0		
21	2123300132	Nguyễn Trọng	Lưu	10/09/2005	CCQ2330D	13	Lưu	4,5	Lưu	6,9	5,7	9,1	7,1
22	2123300130	Đặng Nhật	Minh	25/03/2005	CCQ2330D								
23	2123300001	Nông Hoài	Nam	15/01/2005	CCQ2330A	14	Nam	5,4	Nam	6,3	5,9	3,5	4,9
24	2123300119	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/05/2005	CCQ2330D						0,0		

Đ: 16
H: 02

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2023-2024)

C. Lê Thảo

73

Môn học: Anh văn 1 (22400345)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024 Số SV có mặt: 18
Giờ thi: 14g45 Số bài thi: 18
Phòng thi: B209 Số tờ giấy thi: 18

- Thi Vấn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024 Số SV có mặt: 17
Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 17
Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Vấn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Vấn đáp

Phan Thị Thảo Lê Thị Thanh Thảo Phan Thị Thanh Loan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Vấn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123300009	Trần Thị Thảo	Như	29/07/2005	CCQ2330A	13	Như	3.6	Như	6.0	4.8	5.7	5.2	
2	2123300080	Nguyễn Tấn	Phát	02/07/2005	CCQ2330C	16	Phát	7.1	Phát	8.0	7.6	7.8	7.7	
3	2123300127	Ngô Thành	Phi	14/08/2004	CCQ2330D									
4	2123300024	Lê Anh	Phúc	22/12/2005	CCQ2330A									
5	2123300012	Bùi Minh	Phụng	03/11/2005	CCQ2330A							1.1		
6	2123300125	Phạm Thị	Phượng	21/03/2005	CCQ2330D	14	Phượng	6.3	Phượng	5.5	5.9	7.8	6.7	
7	2123300121	Nguyễn Thị	Phượng	28/02/2005	CCQ2330D									
8	2123210153	Trần Công	Quang	10/10/2005	CCQ2321C	16	Quang	4.9	Quang	0.3	2.6	6.7	4.2	
9	2123300122	Trần Tuấn	Quốc	06/04/2004	CCQ2330D	13	Quốc	7.8	Quốc	7.2	7.5	9.8	8.4	
10	2123300134	Vũ Thanh	Sang	10/11/2003	CCQ2330D	14	Sang	5.9	Sang	5.4	5.7	8.7	6.9	
11	2123300002	Phan Tiến	Tài	16/04/2005	CCQ2330A	15	Tài	6.9	Tài	5.4	6.2	7.7	6.8	
12	2123300077	Hồ Nguyễn Xuân	Thị	30/11/2005	CCQ2330C	16	Thị	7.1	Thị	7.0	7.1	8.7	7.7	
13	2123300107	Huỳnh Da	Thiên	10/03/2004	CCQ2330C	13	Thiên	5.9	Thiên	0.0	3.0	7.3	4.7	
14	2123300114	Huỳnh Tiến	Thịnh	22/06/2005	CCQ2330D	14	Thịnh	6.5	Thịnh	4.1	5.3	6.9	5.9	
15	2123300022	Trần Thị Thu	Thủy	19/10/2005	CCQ2330A	16	Thủy	6.8	Thủy	8.2	7.5	8.5	7.9	
16	2123300081	Thái Thị Thủy	Tiên	23/08/2005	CCQ2330C	14	Thủy	6.1	Thủy	6.1	6.1	9.6	7.5	
17	2123300011	Phan Trung	Tín	25/02/2005	CCQ2330A	14	Tín	4.8	Tín	6.9	5.9	6.6	6.2	
18	2123300111	Huỳnh Chí	Tĩnh	25/04/2005	CCQ2330A							0.0		
19	2123300100	Mai Thị Mai	Trâm	04/04/2005	CCQ2330C	19	Trâm	5.4	Trâm	1.0	3.2	7.4	4.9	

C. Lê Thảo

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400345)

- Thi Viết:

Ngày thi: 22/04/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 14g45

Số bài thi: 18

Phòng thi: B209

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 24/4/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30

Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123300021	Nguyễn Thanh	Trúc	27/10/2005	CCQ2330A	16		7,7		5,5	6,6	8,7	7,4	
21	2123300008	Lê Minh	Tú	18/02/2005	CCQ2330A	13		6,7		4,4	5,6	5,7	5,6	
22	2123300133	Hoàng Anh	Tuấn	29/09/2005	CCQ2330D									
23	2123300112	Nguyễn Bích	Vy	30/08/2005	CCQ2330C	15		6,4		5,4	5,9	7,0	6,3	
24	2123300005	Nguyễn Ngọc Ánh	Vy	03/09/2005	CCQ2330A	14		5,3		5,2	5,9	7,9	6,3	
25	2123300028	Đỗ Thị Diễm	Xuân	09/12/2005	CCQ2330A									